

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5//2023

Về việc: “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Thạch Tân Dân

2) Bà Huỳnh Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19/02//2025, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2025; giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T và bà L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Tôi và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân và cưới nhau vào năm 1991. Tôi và bà L không đăng ký kết hôn do tôi làm nghề đi biển, rất ít thời gian ở nhà. Sau khi cưới một thời gian, bà L mê chơi cờ bạc, gây nợ nên tôi và bà L thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tôi và bà L không muốn đăng ký kết hôn. Đến tháng 12/2012, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, tôi

và bà L sống ly thân nhau đến nay. Hiện tại, tôi đã có vợ khác, bà L đã có chồng khác. Nay tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi và bà L là vợ chồng.

Tôi và bà L không có con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Tôi thống nhất với trình bày của ông T về thời gian và điều kiện tiến đến hôn nhân. Do ông T bận đi biển, ít ở nhà nên sau khi cưới không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới một thời gian thì tôi và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 12/2012 thì tôi và ông T sống ly thân nhau đến nay. Hiện tại, tôi đã có chồng khác, ông T đã có vợ khác. Ông T yêu cầu Tòa án không công nhận ông T và tôi là vợ chồng, tôi đồng ý.

Ông T và tôi không có con chung. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của tôi và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Nguyễn Thị L trình nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ kiện

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/01/2025, ông Nguyễn Thanh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị L. Xét thấy, theo “*Đơn xin xác nhận*” ngày 10/01/2025 của ông Nguyễn Thanh T, tại Ủy ban nhân Dân xã Tân Thạnh về việc xin xác nhận việc đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị L; theo “*Đơn xin xác nhận*” ngày 10/01/2025 của ông Nguyễn Thanh T, tại Ủy ban nhân Dân xã Tân Thạnh về việc xin xác nhận thời gian chung sống và tình trạng hôn nhân của ông T và bà L. Do đó, có cơ sở xác định, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000, qui định như sau: “*b. Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;*”. Do

ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận ông T và bà L là vợ chồng.

Ông T và bà L không có con chung.

Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí

Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông T không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật áp dụng:

- Điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000;

- Khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí L phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của Nguyễn Thanh T.

- Không công nhận ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0010756, ngày 19/02/2005 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, ông Nguyễn Thanh T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp L, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND H. Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI